TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 57/2017/HNGĐ-ST
Ngày 07 tháng 9 năm 2017
"V/v ly hôn giữa bà L và ông S"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH, TỈNH NGHỆ AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Quốc Đấu
2. Ông Trần Văn Tùng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh tham gia phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Phương Thảo – Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 402/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ ra xét xử số 98/2017/QĐXX-ST ngày 21 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1982
Trú quán: Xóm X, xã H, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Đặng Khắc S, sinh năm 1983
Trú quán: Xóm X, xã H, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
Hiện đang cai nghiện tại Trung tâm quản lý sau cai nghiện ma túy tỉnh Nghệ An tại xã N, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 4 năm 2017 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà kết hôn với ông Đặng Khắc S trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký kết hôn tại UBND xã X, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An ngày 04/6/2004. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 07 tháng thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà phát hiện ông S nghiện ma túy, những lần lên cơn nghiện ông S thường đánh đập bà và các con. Bà đã động viên, khuyên bảo và đưa ông S đi cai nghiện nhiều lần nhưng không có kết

quả. Ông S ngày càng nghiện ma túy nặng hơn. Hiện ông S đang cai nghiện tại Trung tâm quản lý sau cai nghiện tại xã N, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An được. Nay bà nhận thấy tình cảm của bà dành cho ông S không còn, cuộc hôn nhân không có hạnh phúc, bà không thể chịu đựng hơn được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn ông S để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đặng Thị Huyền T, sinh ngày 15/4/2005 và Đặng Kiều V, sinh ngày 01/4/2010. Bà xin được nuôi hai con, không yêu cầu ông S cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng không có khoản nợ chung nào.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/8/2017, ông Đặng Khắc S trình bày thống nhất với phần trình bày của bà Nguyễn Thị L về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống. Tuy nhiên, theo ông nguyên nhân mâu thuẫn là do sau khi đi xuất khẩu lao động về nước vào năm 2013 bà L đã có sự thay đổi, không quan tâm đến ông nữa. Bản thân ông đang còn tình cảm với bà L nên không muốn ly hôn nhưng nếu bà L giữ nguyên yêu cầu ly hôn thì ông cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như bà L trình bày. Vợ chồng ly hôn ông có nguyện vọng nuôi một con, giao cho bà L nuôi 01 con.

Về tài sản: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng không có khoản nợ chung nào.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng các điều 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về Hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn ông Đặng Khắc S.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Đặng Thị Huyền T, sinh ngày 15/4/2005 và Đặng Kiều V, sinh ngày 01/4/2010 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng tiền nuôi con cho ông S.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

{1} Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị L khởi kiện xin ly hôn ông Đặng Khắc S, cư trú tại xóm X, xã H, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ

An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

{2} Về việc vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Ngày 21/6/2017 Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An thụ lý vụ án hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, bị đơn ông Đặng Khắc S. Ông S hiện đang cai nghiện tại Trung tâm quản lý sau cai nghiện ma túy tỉnh Nghệ An tại xã N, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh nghệ An nên sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã ủy thác giao thông báo thụ lý vụ án và các văn bản khác của Tòa án cho ông S theo quy định của pháp luật mà không thể triệu tập ông S đến Tòa án được. Vì vậy, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông S là phù hợp với quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

{1} Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị L kết hôn với ông Đặng Khắc S trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An ngày 04 tháng 6 năm 2004. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông S là hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét quá trình chung sống giữa bà L và ông S thấy rằng: Sau khi kết hôn bà L và ông S chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Mặc dầu hai bên không thống nhất nguyên nhân mâu thuẫn nhưng qua lời trình bày của các đương sự cũng như xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy, nguyên nhân mâu thuẫn chính là do ông Sơn nghiện ma túy nên vợ chồng thường xảy ra cãi vã, xô xát. Mâu thuẫn kéo dài và không cải thiện được.

Như vậy có thể khẳng định tình trạng vợ chồng ông S, bà L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà L được ly hôn ông S.

{2} Về con chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Đặng Khắc S có hai con chung là Đặng Thị Huyền T, sinh ngày 15/4/2005 và Đặng Kiều V, sinh ngày 01/4/2010. Bà L và ông S đều có nguyện vọng được nuôi.

Xét yêu cầu của bà L, ông S thấy rằng: Việc giao con cho ai nuôi là cần căn cứ vào nguyện vọng của con, đồng thời người trực tiếp nuôi con phải chăm lo việc học tập, giáo dục để con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức. Quá trình giải quyết vụ án các cháu đều có nguyện vọng được ở với bà L, mặt khác hiện nay ông S đang cai nghiện tại Trung tâm cai nghiện nên không thể đáp ứng được các điều kiện về việc chăm sóc, nuôi dưỡng con. Vì vậy, cần giao hai con cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Do bà L không yêu cầu ông S cấp dưỡng nên tạm hoãn việc cấp dưỡng tiền nuôi con cho ông S.

{3} Về tài sản: Bà Nguyễn Thị L và ông Đặng Khắc S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa miễn xét.

{4} Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, Điều 147, 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về Hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn ông Đặng Khắc S.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Đặng Thị Huyền T, sinh ngày 15/4/2005 và Đặng Kiều V, sinh ngày 01/4/2010 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng tiền nuôi con cho ông S.

Ông Đặng Khắc S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 0005202 ngày 03 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi ành án dân sự thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

4. Án xử công khai, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSNDTP Vinh;
- Chi cục THADSTP Vinh;
- UBND xã H, TP Vinh;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- L- u HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thúy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 8 giờ 45 phút ngày 30 tháng 5 năm 2016,

Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: bà Phạm Thị Thuý

Các Hội thẩm nhân dân: bà Phạm Thị Tố Tâm - ông Trần Quốc Đấu

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số số 203/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Huyền Thu, sinh năm 1981

2. Bị đơn: Ông Lý Ngọc Dũng, sinh năm 1980

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ, đã đ- ợc xem xét tại phiên toà, các quy định của pháp luật

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1. Về điều luật áp dụng: □p dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; Điều 147; Điều 207; Điều 227; 273 BLTTDS.

Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý.

2. Về nội dung:

Xử :

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phạm Thị Huyền Thu với ông Lý Ngọc Dũng.

- Về nuôi con chung:

Giao con chung Lý Ngọc Mai, sinh ngày 05/01/2004 và Lý Thục Linh, sinh ngày 10/9/2005 cho bà Phạm Thị Huyền Thu trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc đóng góp nuôi con cho ông Lý Ngọc Dũng.

Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý.

3. Về các vấn đề khác:

- Về án phí: Bà Phạm Thị Huyền Thu phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 0003883 ngày 05/4/2017 của cơ quan Thi ành án dân sự thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

- Án xử công khai, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

- Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý.

Nghị án kết thúc vào hồi 9 giờ ngày 30 tháng 5 năm 2017

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**